

Số: 230/2018/QĐST/HNGĐ

M, ngày 18 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 281/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/9/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm A, thôn H, xã M, huyện M, Thành phố H

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm A, thôn H, xã M, huyện M, Thành phố H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85 ngày 17/9/2012, tại UBND xã M, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Ngọc A

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** anh chị có 02 con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2013 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2015.

Giao cháu Nguyễn Minh C cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu C thành niên, đủ 18 tuổi;

Giao cháu Nguyễn Hồng N cho chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên, đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh N và chị A đối với nhau cho đến khi có sự thay đổi khác.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh N tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh N đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016677 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Hoàn trả lại anh N số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND M
- Chi cục THADS M.
- CQ đã thực hiện việc ĐKKH
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim T